

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2451.../QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản lý kinh tế (Economic Management)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh tế
Mã ngành:	7310101
Chuyên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế-xã hội; có năng lực chuyên môn sâu về quản lý kinh tế; có khả năng tiếp cận và tham gia phân tích, hoạch định chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể của chương trình là đào tạo cử nhân kinh tế có các kiến thức, phẩm chất và kỹ năng sau:

- Có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;
- Có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là có những kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu về quản lý kinh tế;
- Có khả năng tham gia phân tích, hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế tại ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân;
- Có năng lực làm việc độc lập, tự chủ và làm việc theo nhóm hiệu quả; có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, theo học các chương trình đào tạo sau đại học về kinh tế, kinh doanh và quản lý.

2. Yêu cầu về kiến thức:

(PLO1) Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và pháp luật để tiếp cận và phân tích các vấn đề kinh tế;

(PLO2) Phân tích được những kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế xã hội nói chung để tổ chức và quản lý kinh tế;

(PLO3) Phân tích được các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế dựa trên các kiến thức ngành, để hoạch định chính sách kinh tế, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân;

(PLO4) Đánh giá được các vấn đề kinh tế trong thực tiễn, các yếu tố môi trường kinh tế để hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô;

3. Yêu cầu về kỹ năng:

(PLO5) Có khả năng thu thập thông tin, sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích và đánh giá tác động của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công cụ quản lý nhà nước đến các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế;

(PLO6) Có khả năng tổng hợp, lập báo cáo các nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế; có thể diễn đạt vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế bằng văn bản và thuyết trình; có kỹ năng giao tiếp và truyền thông các chính sách, công cụ quản lý;

(PLO7) Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO8) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả; có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn, đề xuất những sáng kiến có giá trị;

(PLO9) Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tác phong làm việc nghiêm túc;

(PLO10) Có khả năng tự cập nhật kiến thức, thông tin trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo và chủ động xử lý các thông tin đó một cách hiệu quả.

5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO11) Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

(PLO12) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị sau:

(1) Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế các cấp, tại: Bộ phận hoạch định, tổ chức và kiểm tra thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế vĩ mô; Bộ phận hoạch định, tổ chức thực thi, kiểm tra, giám sát và phân tích, đánh giá thực thi chính sách về kinh tế, quản lý tài sản, ngân sách, thuế; Bộ phận tổ chức triển khai, theo dõi và thực thi hội nhập kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế; Bộ phận nghiên cứu, triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư vĩ mô và dự án đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Bộ phận đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường, theo dõi và giám sát hoạt động kinh tế của doanh nghiệp theo địa bàn và ngành hàng.

(2) Các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế, tại: Bộ phận hoạch định chiến lược, kế hoạch, chính sách kinh doanh và thị trường của doanh nghiệp; Bộ phận triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế, tài chính, đầu tư và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp; Bộ phận phân tích các hoạt động kinh tế, quản lý sử dụng các nguồn lực và thông tin, tư vấn quản lý doanh nghiệp.

(3) Các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh; Các tổ chức quốc tế, các trung tâm nghiên cứu và tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế; Tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo qui định của pháp luật.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- (1) Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học;
- (2) Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo và đối sánh

8.1. Trong nước

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Chuẩn đầu ra ngành khoa học quản lý/ chuyên ngành Khoa học quản lý của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân⁽¹⁾; Chuẩn đầu ra ngành kinh tế/ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Học viện Báo chí và tuyên truyền ban hành kèm theo Quyết định số 3311/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và tuyên truyền⁽²⁾.

- Chương trình đào tạo ngành khoa học quản lý/ chuyên ngành Khoa học quản lý của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân⁽³⁾; Chương trình đào tạo ngành kinh tế/ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 4232/QĐ-NNH ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam⁽⁴⁾

8.2. Ngoài nước

Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo về ngành Kinh tế - quản lý của các trường đại học: University of Oxford (UK)⁽⁵⁾; University of College (UK)⁽⁶⁾; Université of Geneva (Pháp)⁽⁷⁾.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

THNV. TRƯỞNG KHOA

TS Vũ Thị Yên

⁽¹⁾ <https://khqi.neu.edu.vn/vi/dao-tao-923/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-khoa-hoc-quan-ly>

⁽²⁾ <http://tuvensinhajc.edu.vn/gioi-thieu/chuong-trinh-dao-tao/ai-hoc-van-bang-1/quan-ly-kinh-te/item/736-chuyen-nganh-quan-ly-kinh-te.html>

⁽³⁾ <http://tuvensinhajc.edu.vn/gioi-thieu/chuong-trinh-dao-tao/ai-hoc-van-bang-1/quan-ly-kinh-te/item/736-chuyen-nganh-quan-ly-kinh-te.html>

⁽⁴⁾ <https://tuvensinh.vnua.edu.vn/chuyen-nganh-quan-ly-kinh-te/khung-chuong-trinh-chuyen-nganh-quan-ly-kinh-te/>

⁽⁵⁾ <https://www.ox.ac.uk/admissions/undergraduate/courses/course-listing/economics-and-management>

⁽⁶⁾ <https://london.dauphine.psl.eu/programmes-and-training/bachelors-in-economics-and-management>

⁽⁷⁾ <https://www.unige.ch/gsem/en/programs/bachelor/description/>

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2451/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản lý kinh tế (Economic Management)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh tế
Mã ngành:	7310101
Chuyên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo (CTĐT) Quản lý kinh tế đã được rà soát gần đây nhất theo quyết định số: 142/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

- Lần sửa đổi, bổ sung này căn cứ vào góp ý của các bên liên quan, chương trình đã cập nhật sửa chỉnh các chuẩn đầu ra của CTĐT để thể hiện rõ được mức độ thang đo Bloom. Khung CTĐT về cơ bản được giữ nguyên, chỉ thay đổi 02 học phần “Quản trị đa văn hóa” thành học phần “Đấu thầu” ở nhóm kiến thức bổ trợ (mục 2.3.2 - các học phần tự chọn) theo góp ý của các bên liên quan về việc sinh viên chuyên ngành Quản lý kinh tế cần được trang bị các kiến thức về đấu thầu để tổ chức quản lý và thực hiện các nghiệp vụ đấu thầu tại các chương trình, dự án đầu tư của nhà nước. Học phần Quản trị đa văn hóa có sự giao thoa một số nội dung đã được giảng dạy ở một số học phần khác trong CTĐT, nên được lược bỏ để tránh trùng lặp nội dung; Thay học phần “Tin học quản lý” thành học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản” ở nhóm kiến thức giáo dục đại cương để cập nhật hơn các ứng dụng công nghệ trong môi trường số.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung: CTĐT Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn sâu về quản lý kinh tế; có khả năng tiếp cận và tham gia phân tích, hoạch định chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể của chương trình là đào tạo cử nhân kinh tế có các kiến thức, phẩm chất và kỹ năng sau:

- Có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;
- Có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là có những kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu về quản lý kinh tế;
- Có khả năng tham gia phân tích, hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế tại ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân;
- Có năng lực làm việc độc lập, tự chủ và làm việc theo nhóm hiệu quả; có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, theo học các chương trình đào tạo sau đại học về kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1) Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và pháp luật để tiếp cận và phân tích các vấn đề kinh tế;

(PLO2) Phân tích được những kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế - xã hội nói chung để tổ chức và quản lý kinh tế;

(PLO3) Phân tích được các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế dựa trên các kiến thức ngành, để hoạch định chính sách kinh tế, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân;

(PLO4) Đánh giá được các vấn đề kinh tế trong thực tiễn, các yếu tố môi trường kinh tế để hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô;

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO5) Có khả năng thu thập thông tin, sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích và đánh giá tác động của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công cụ quản lý nhà nước đến các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế;

(PLO6) Có khả năng tổng hợp, lập báo cáo các nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế; có thể diễn đạt vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế bằng văn bản và thuyết trình; Có kỹ năng giao tiếp và truyền thông các chính sách, công cụ quản lý;

(PLO7) Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO8) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả; Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn, đề xuất những sáng kiến có giá trị;

(PLO9) Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tác phong làm việc nghiêm túc;

(PLO10) Có khả năng tự cập nhật kiến thức, thông tin trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo và chủ động xử lý các thông tin đó một cách hiệu quả.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO11) Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ): 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC	Cấu trúc học phần
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40	
1.1	Giáo dục đại cương		29	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		27	
1	Triết học Mác – Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMIO121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMIO111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	RLCP1211	2	24,12

5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCM10131	2	21,18
6	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
8	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
9	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO3511	3	36,18
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
11	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
12	Toán đại cương	AMAT1011	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn: <i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		2	
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	RLCP0221	2	24,12
2	Lịch sử kinh tế Việt Nam	HCM10521	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1.	Các học phần bắt buộc		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn: <i>Chọn 2TC trong các HP sau:</i>		2	
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		91	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		28	
2.1.1	Các học phần bắt buộc		16	
1	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
3	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
4	Nguyên lý quản lý kinh tế	TECO2031	3	36,18
5	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
6	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2	Các học phần tự chọn: <i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>		12	
1	Kinh tế vi mô 2	MIEC0311	3	36,18
2	Luật kinh tế	PLAW4411	3	36,18
3	Nguyên lý thống kê	ANST0211	3	36,18
4	Nhập môn tài chính - tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
5	Kinh tế thương mại đại cương	TECO2911	2	24,12
6	Kinh tế môi trường	FECO1521	2	24,12

7	Chính phủ điện tử	ECOM1311	2	24,12
8	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
9	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
10	Kinh tế phát triển	FECO2011	2	24,12
2.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành		41	
2.2.1	Các học phần bắt buộc		30	
1	Kinh tế công cộng	FECO0921	3	36,18
2	Kinh tế đầu tư *	FECO2023	3	34,12,5
3	Quản lý nhà nước về kinh tế **	TECO3111	3	34,12,5
4	Chính sách kinh tế - xã hội	TECO2051	2	24,12
5	Quản lý phát triển kinh tế địa phương	TECO1031	3	36,18
6	Quản lý nhà nước về thương mại	TECO2811	3	36,18
7	Kế hoạch hóa phát triển	TECO1041	2	24,12
8	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	TECO2041	3	36,18
9	Kinh tế học quản lý**	MIEC2011	3	36,18
10	Kinh tế doanh nghiệp	BMGM1021	2	24,12
11	Kinh tế vĩ mô 2	MAEC0311	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn: <i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>		11	
1	Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	3	36,18
2	Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản	FECO2111	2	24,12
3	Quản trị chiến lược	SMGM0111	3	36,18
4	Quản trị dịch vụ	TEMG2911	3	36,18
5	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
6	Pháp luật về phòng vệ thương mại	PLAW4511	3	36,18
7	Pháp luật hợp đồng	BLAW3511	3	36,18
8	Thống kê kinh tế	ANST1231	2	24,12
2.3	Kiến thức bổ trợ		12	
2.3.1	Các học phần bắt buộc		6	
1	Hệ thống thông tin quản lý	ECIT0311	3	36,18
2	Kiểm toán căn bản	FAUD3311	3	36,18
2.3.2	Các học phần tự chọn: <i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>		6	
1	Quản lý tài sản trí tuệ	BRMG2312	3	36,18
2	Thị trường chứng khoán	BKSC2311	3	36,18
3	Đấu thầu	TECO3011	3	36,18
4	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG1721	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
2.4.1	Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp	REPF1211	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	LVVF1511	7	0,210

Ghi chú: + Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 TC bao gồm 120 TC học tập và tốt nghiệp (trong đó có 89 học phần bắt buộc và 31 học phần tự chọn), 11 TC GDTC và GDQPAN.

+ Học phần có dấu * là học phần có báo cáo thực tế

8.2. Mô tả các học phần (Xem phần Phụ lục)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	GD QP&AN	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Lưu ý: Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Nguyễn Hoàng

THNV. TRƯỞNG KHOA

TS Vũ Thị Yến

PHỤ LỤC: MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin (MLNP0221)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học (HCM10121)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (HCM10111)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác- Lênin (RLCP1211)

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp

hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (HCM10131)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Tiếng Anh 1(ENTH1411)

Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

7. Tiếng Anh 2(ENTH1511)

Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

8. Tiếng Anh 3(ENTH1611)

Học phần *Tiếng Anh 3* được xây dựng dựa trên cuốn “*Life*” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các

chủ điểm đã được học.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (INFO3511)

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của Trường Đại học Thương mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học (SCRE0111)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Pháp luật đại cương (TLAW0111)

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của chuyên ngành Luật kinh tế và Luật Thương mại quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

12. Toán đại cương (AMAT1011)

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

13. Lịch sử các học thuyết kinh tế (RLCP0221)

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay.

+ Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường.

+ Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta.

+ Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế.

+ Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

14. Lịch sử kinh tế Việt Nam (HCM10521)

Nội dung học phần gồm 7 chương, trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và vai trò, ý nghĩa của học phần. Từ chương 2 đến chương 7, giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thủy đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).

0. Kinh tế vi mô 1 (MIEC0111)

Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác

nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

15. Kinh tế vĩ mô 1 (MAEC0111)

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

16. Kinh tế lượng (AMAT0411)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

17. Nguyên lý quản lý kinh tế (TECO2031)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

18. Tiếng Anh thương mại 1 (ENTI3311)

Học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương

mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

19. Tiếng Anh thương mại 2 (ENTI3411)

Học phần *Tiếng Anh thương mại 2* là sự tiếp nối học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

20. Kinh tế vi mô 2 (MIEC0311)

Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hành vi, lý thuyết về hành vi của các hãng đặc biệt là nghiên cứu sâu hơn về các hãng trên thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; phân tích chính sách phân biệt giá của các hãng độc quyền, lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp độc quyền nhóm; Phân tích cân bằng tổng quát và các điều kiện hiệu quả trong thị trường cạnh tranh. Ngoài ra, học phần cũng phân tích về những khuyết tật của thị trường và vai trò của Chính phủ.

21. Kinh tế phát triển (FECO2011)

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế: chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.

22. Nguyên lý thống kê (ANST0211)

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

23. Nhập môn tài chính – tiền tệ (EFIN2811)

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

24. Kinh tế thương mại đại cương (TECO2911)

Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

25. Kinh tế môi trường (FECO1521)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

26. Chính phủ điện tử (ECOM1311)

Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

27. Khởi sự kinh doanh (CEMG4111)

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

28. Chuyển đổi số trong kinh doanh (PCOM1111)

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

29. Luật kinh tế (PLAW4411)

Học phần cung cấp những kiến thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh do vậy nội dung cơ bản của học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp (về bản chất pháp lý, về quản lý nội bộ, quy chế thành lập, giải thể, tổ chức lại và phá sản của Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân và Doanh nghiệp nhà nước); học phần cũng tập trung nghiên cứu pháp luật về Hợp đồng thương mại và một số hoạt động thương mại cụ thể; các tranh chấp kinh doanh thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và bằng tòa án. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo này nhằm giúp người học đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.

30. Kinh tế công cộng (FECO0921)

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội.

31. Kinh tế đầu tư (FECO2023)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh vực đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về đầu tư và đầu tư phát triển, các nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

32. Quản lý nhà nước về kinh tế (TECO1022)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

33. Chính sách kinh tế - xã hội (TECO2051)

Học phần chính sách kinh tế - xã hội thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức về: bản chất và vai trò của chính sách kinh tế - xã hội; các yêu cầu đối với chính sách kinh tế - xã hội; quá trình hoạch định, tổ chức thực thi, phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội. Học phần cũng nghiên cứu một số chính sách kinh tế - xã hội quan trọng của nhà nước.

34. Quản lý phát triển kinh tế địa phương (TECO1031)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý phát triển kinh tế địa phương. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề chung về quản lý phát triển kinh tế địa phương như: bản chất, cơ chế hình thành và vai trò quản lý phát triển kinh tế địa phương; một số lý thuyết, mô hình và các công cụ, chính sách quản lý phát triển kinh tế địa phương; quan hệ phát triển kinh tế giữa các địa phương, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế địa phương.

35. Quản lý nhà nước về thương mại (TECO2811)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản lý nhà

nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

36. Kế hoạch hóa phát triển (TECO1041)

Học phần Kế hoạch hóa phát triển thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế hoạch hóa phát triển. Nội dung chính của học phần bao gồm bản chất của kế hoạch hóa phát triển; hệ thống kế hoạch hóa phát triển; quy trình kế hoạch hóa phát triển, cân đối ngân sách trong kế hoạch phát triển... Học phần cũng nghiên cứu kế hoạch hóa trong một số khía cạnh kinh tế chủ yếu như: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

37. Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường (TECO2041)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này thông qua việc giới thiệu khái niệm, mục tiêu, chức năng, các nội dung, các nguyên tắc và bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Học phần đi sâu phân tích các công cụ luật pháp, công cụ kinh tế và quy hoạch bảo vệ tài nguyên và môi trường được sử dụng trong quá trình quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

38. Kinh tế học quản lý (MIEC0811)

Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

39. Kinh tế doanh nghiệp (BMGM1021)

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng,

quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường

40. Kinh tế vĩ mô 2 (MAEC0311)

Hai chương đầu đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong ngắn hạn bao gồm: phân tích tổng cầu, tổng cung và lý giải các dao động kinh tế trong ngắn hạn, nghiên cứu mô hình phân tích tác động trong ngắn hạn của chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Bốn chương tiếp theo đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong dài hạn. Trong đó đề cập đến các nội dung về sản xuất và phân bổ sản lượng và trạng thái cân bằng của thị trường hàng hóa dịch vụ, nghiên cứu mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư, xuất khẩu ròng và đầu tư nước ngoài ròng, mô hình cân bằng của thị trường vốn vay trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, mô hình xác định tỷ giá hối đoái thực và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô trong dài hạn. Chương tiếp theo đề cập đến thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế được trình bày ở chương cuối cùng nêu ra các mô hình để giải thích nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

41. Kinh tế quốc tế 1 (FECO1711)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

42. Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản (FECO2111)

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản

lý kinh tế. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về bất động sản, thị trường bất động sản, định giá bất động sản, các hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước về đầu tư kinh doanh bất động sản.

Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về bất động sản và quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản; Thị trường bất động sản; Định giá bất động sản; Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản; Quản lý nhà nước về đầu tư kinh doanh bất động sản. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo quản lý kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

43. Quản trị chiến lược (SMGM0111)

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

44. Quản trị dịch vụ (TEMG2911)

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

45. Kinh doanh quốc tế (ITOM1311)

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những

cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

46. Pháp luật về phòng vệ thương mại (PLAW4511)

Học phần tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

47. Pháp luật hợp đồng (BLAW3511)

+ Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề giao kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng.

+ Từ những vấn đề lý luận và nội dung pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

48. Thống kê kinh tế (ANST1231)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.

49. Hệ thống thông tin quản lý (ECIT0311)

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành.

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

50. Kiểm toán căn bản (FAUD0411)

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

51. Quản lý tài sản trí tuệ (BRMG2312)

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu...

Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.

52. Thị trường chứng khoán (BKSC2311)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

53. Đấu thầu (TECO3011)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đấu thầu. Nội dung chính của học phần bao gồm: Tổng quan về đấu thầu trong nền kinh tế; kế hoạch đấu thầu của dự án đầu tư; quy trình lựa chọn nhà thầu trong quá trình đấu thầu; chuẩn bị

hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; đấu thầu điện tử; quản lý hoạt động đấu thầu ở Việt Nam.

54. Quản trị chuỗi cung ứng (BLOG1721)

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

55. Học phần Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Sinh viên sẽ thực tập chuyên môn về Quản lý kinh tế. Trên cơ sở trải nghiệm thực tế, kết hợp với kiến thức và kỹ năng đã được cung cấp, sinh viên thực hành xây dựng khuôn khổ lý thuyết ứng dụng để làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề được đặt ra trong luận văn, thu thập các thông tin (trích dẫn, tổng hợp, khảo sát,...), phân tích các yếu tố môi trường kinh tế, môi trường sản xuất - kinh doanh, điều kiện làm việc, đánh giá tình hình kinh tế và quản lý tại đơn vị. Tại đơn vị thực tập, phát hiện các vấn đề (những tồn tại, vướng mắc) cần giải quyết, từ đó đưa ra những khuyến nghị, giải pháp, hàm ý về công tác quản trị, công tác quản lý đối với đơn vị thực tập và những kiến nghị có liên quan để tạo điều kiện thực hiện các khuyến nghị, giải pháp, hàm ý quản trị đã đề xuất với đơn vị thực tập.

56. Học phần Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên thực tập và tìm hiểu thực tiễn tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ quan quản lý nhà nước, bao gồm: Đối với chuyên ngành đào tạo Quản lý kinh tế, học viên có thể lựa chọn các đơn vị/tổ chức sau để khảo sát và làm Báo cáo thực tế: (1) Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp có chức năng quản lý kinh tế (Bộ, UBND tỉnh/thành phố, Sở, Quận/huyện...); (2) Các doanh nghiệp lớn và tổ chức kinh tế: Các doanh nghiệp/ cụm doanh

nghiệp/ tổ chức kinh tế được chọn để khảo sát và lựa chọn định hướng nghiên cứu cho đề tài; (3) Các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo, ... có nghiên cứu, đào tạo về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, và các tổ chức phi chính phủ lớn có trụ sở tại Việt Nam như IMF, WB, UNDP, và tương đương. Sinh viên biết vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kinh tế và quản lý kinh tế để giải quyết vấn đề tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở trải nghiệm thực tế, kết hợp với kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo, sinh viên thu thập các thông tin, xây dựng khung lý thuyết để làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề được đặt ra trong khóa luận; Phân tích và đánh giá tình hình quản lý kinh tế tại đơn vị thực tập, phát hiện các vấn đề (những tồn tại, vướng mắc) cần giải quyết, từ đó đưa ra những khuyến nghị, giải pháp, hàm ý về chính sách, công tác quản lý đối với đơn vị thực tập.